

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHÍNH THỨC

28 - 01 - 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
VINAMILK**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

NĂM 2013

TỪ NGÀY 01/01/2013 ĐẾN NGÀY 31/12/2013

(DẠNG ĐẦY ĐỦ)

TP Hồ Chí Minh, tháng 01 - 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

NỘI DUNG

	Trang
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*(Dạng đầy đủ)**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013***MẪU SỐ B01-DN/HN***Đơn vị tính : VND*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		13.018.930.127.438	11.110.610.188.963
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	2.745.645.325.950	1.252.120.160.804
1. Tiền	111		1.394.534.283.673	852.120.160.804
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.351.111.042.277	400.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.2	4.167.317.622.318	3.909.275.954.492
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4.313.292.575.718	4.039.304.630.112
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(145.974.953.400)	(130.028.675.620)
III. Các khoản phải thu	130		2.728.421.414.532	2.246.362.984.001
1. Phải thu khách hàng	131	VI.3	1.894.721.027.784	1.269.841.759.012
2. Trả trước cho người bán	132		423.820.755.014	576.619.318.260
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	137		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	VI.4	417.266.719.643	403.754.490.615
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	VI.5	(7.387.087.909)	(3.852.583.886)
IV. Hàng tồn kho	140		3.217.483.048.888	3.472.845.352.518
1. Hàng tồn kho	141	VI.6	3.227.859.954.432	3.476.300.517.903
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	VI.7	(10.376.905.544)	(3.455.165.385)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		160.062.715.750	230.005.737.148
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.8	129.708.362.747	72.343.567.654
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		25.468.115.542	154.118.437.302
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		5.362.800	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.880.874.661	3.543.732.192

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013***MẪU SỐ B01-DN/HN***Đơn vị tính : VNĐ*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.856.483.929.198	8.587.258.231.415
(200 = 210+220+240+250+260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		736.666.667	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		736.666.667	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.918.416.535.379	8.042.300.548.493
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	7.849.058.771.126	4.223.443.459.603
- Nguyên giá	222		11.147.267.493.199	6.512.875.316.427
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.298.208.722.073)	(2.289.431.856.824)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	531.485.413.625	253.615.655.556
- Nguyên giá	228		690.742.242.273	387.180.023.184
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(159.256.828.648)	(133.564.367.628)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.12	537.872.350.628	3.565.241.433.334
III. Bất động sản đầu tư	240	VI.11	149.445.717.001	96.714.389.090
- Nguyên giá	241		176.332.062.888	117.666.487.460
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(26.886.345.887)	(20.952.098.370)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		318.308.294.039	284.428.762.040
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.13	284.629.299.345	217.944.646.507
3. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.14	43.927.626.956	80.840.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	VI.15	(10.248.632.262)	(14.355.884.467)
V. Tài sản dài hạn khác	260		295.112.796.930	150.152.345.194
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.16	171.151.838.315	41.073.978.122
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		115.300.622.640	108.001.947.072
3. Tài sản dài hạn khác	268		8.660.335.975	1.076.420.000
VI. Lợi thế thương mại			174.463.919.182	13.662.186.598
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (100 + 200)	270		22.875.414.056.636	19.697.868.420.378

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013***MẪU SỐ B01-DN/HN***Đơn vị tính : VNĐ*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		5.307.060.807.329	4.204.771.824.521
I. Nợ ngắn hạn	310		4.956.397.594.108	4.144.990.303.291
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.17	178.943.692.147	-
2. Phải trả người bán	312	VI.19	1.968.257.136.188	2.247.659.149.802
3. Người mua trả tiền trước	313		20.929.404.542	21.589.364.414
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.20	456.725.904.986	333.952.869.847
5. Phải trả người lao động	315		137.540.107.294	106.150.509.860
6. Chi phí phải trả	316	VI.21	490.760.970.004	365.103.636.850
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.22	1.341.762.807.045	664.137.048.409
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	321	VI.23	361.477.571.902	406.397.724.109
II. Nợ dài hạn	330		350.663.213.221	59.781.521.230
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		5.036.159.560	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	VI.18	184.142.784.403	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		91.065.600.000	-
6. Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	VI.24	69.583.293.250	59.635.777.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		835.376.008	145.744.230
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	VI.25	17.545.489.315.423	15.493.096.595.857
I. Vốn chủ sở hữu	410		17.545.489.315.423	15.493.096.595.857
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		8.339.557.960.000	8.339.557.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.276.994.100.000	1.276.994.100.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(5.068.507.959)	(4.504.115.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		950.237.983.612	93.889.017.729
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		833.955.796.000	588.402.022.008
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.149.811.983.770	5.198.757.611.120

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		22.863.933.884	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (300 + 400 + 439)	440		22.875.414.056.636	19.697.868.420.378

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: USD		16.776.617,91	11.737.838,41
EUR		21.605,63	49.847,54
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 28 tháng 01 năm 2014.

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc điều hành Tài chính	Giám đốc
			
Nguyễn Đức Diệu Thơ	Lê Thành Liêm	Ngô Thị Thu Trang	Mai Kiều Liên



CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT*(Dạng đầy đủ)***Năm 2013****MẪU SỐ B02-DN/HN**

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	31.586.007.133.622	27.101.683.739.278
2. Các khoản giảm trừ	3	VI.1	(637.405.006.316)	(540.109.559.314)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 + 03)	10	VI.1	30.948.602.127.306	26.561.574.179.964
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	(19.765.793.680.474)	(17.484.830.247.188)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 + 11)	20		11.182.808.446.832	9.076.743.932.776
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	507.347.709.516	475.238.586.049
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(90.790.817.490)	(51.171.129.415)
8. Chi phí bán hàng	24	VI.8	(3.276.431.628.666)	(2.345.789.341.875)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	(611.255.506.250)	(525.197.269.346)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21+22) + (24+25)}	30		7.711.678.203.942	6.629.824.778.189
11. Thu nhập khác	31	VI.5	313.457.899.019	350.323.343.748
12. Chi phí khác	32	VI.6	(58.819.862.034)	(63.006.276.113)
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 + 32)	40		254.638.036.985	287.317.067.635
14. Phần lãi / (lỗ) trong liên doanh			43.940.615.792	12.526.171.255
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		8.010.256.856.719	6.929.668.017.079
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(1.483.448.216.660)	(1.137.571.835.560)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		7.298.675.568	27.358.535.564
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51+ 52)	60		6.534.107.315.627	5.819.454.717.083
Phân bổ cho :				
<i>Cổ đông thiểu số</i>			<i>(26.347.207)</i>	<i>-</i>
<i>Cổ đông của Công ty</i>			<i>6.534.133.662.834</i>	<i>5.819.454.717.083</i>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	7.839	6.981

Lập ngày 28 tháng 01 năm 2014,

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc điều hành
Tài chính

Nguyễn Đức Diệu Thơ

Lê Thành Liêm

Ngô Thị Thu Trang

Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)***Năm 2013****MẪU SỐ B03-DN/HN***Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		8.010.256.856.719	6.929.668.017.079
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		786.432.923.150	535.451.905.298
- (Lãi) / lỗ từ các khoản dự phòng	3		27.818.958.198	(75.028.609.419)
- (Lãi) / lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		13.064.625.014	23.750.178.315
- (Lãi) / lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(441.271.929.556)	(330.056.912.342)
- Chi phí lãi vay	6	VII.4	104.027.048	3.114.837.973
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		8.396.405.460.573	7.086.899.416.904
- (Tăng) / giảm các khoản phải thu	9		(263.075.805.802)	(177.763.748.924)
- (Tăng) / giảm hàng tồn kho	10		189.641.455.106	(273.491.911.774)
- Tăng / (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(28.526.323.549)	268.727.745.183
- (Tăng) / giảm chi phí trả trước	12		(41.260.619.693)	(18.320.018.252)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(104.027.048)	(3.114.837.973)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	VI.19	(1.399.982.286.806)	(1.073.341.754.164)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		20.984.913.520	3.704.175.480
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(691.692.163.285)	(518.731.228.161)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.182.390.603.016	5.294.567.838.319
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.490.700.337.388)	(3.133.999.297.771)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		20.991.389.628	16.830.384.644
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(623.100.000.000)	(2.566.900.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		384.531.896.380	338.114.387.315
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(33.713.307.770)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.927.205.437	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		307.719.066.699	372.293.347.387
8. Sát nhập Công ty con	28		(91.092.386.056)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.520.436.473.070)	(4.973.661.178.425)






CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32		(525.442.959)	(1.982.321.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.167.235.049.800)	(2.222.994.056.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.167.760.492.759)	(2.224.976.377.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		1.494.193.637.187	(1.904.069.717.106)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.252.120.160.804	3.156.515.396.990
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(668.472.041)	(325.519.080)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		2.745.645.325.950	1.252.120.160.804

			Lập ngày 28 tháng 01 năm 2014,
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc điều hành Tài chính	
			
Nguyễn Đức Diệu Thơ	Lê Thành Liêm	Ngô Thị Thu Trang	Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Bảng thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN :

1. Hình thức sở hữu vốn:

Các thời điểm quan trọng liên quan đến việc hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) :

- + Ngày 29/04/1993: Công ty Sữa Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 420/CNN/TCLD của Bộ Công Nghiệp Nhẹ theo loại hình Doanh Nghiệp Nhà Nước .
- + Ngày 01/10/2003: Công ty được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà Nước của Bộ Công Nghiệp theo Quyết định 155/2003/QĐ-BCN.
- + Ngày 20/11/2003: Công ty đăng ký trở thành một Công Ty Cổ Phần và bắt đầu hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001932.
- + Ngày 28/12/2005: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép niêm yết số 42/UBCK-GPYN.
- + Ngày 19/01/2006: Cổ phiếu của Công Ty được niêm yết trên Thị trường chứng khoán TP HCM.
- + Ngày 12/12/2006 : Công ty TNHH 1 Thành Viên Đầu Tư Bất Động Sản Quốc Tế thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 4104000260 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP Hồ Chí Minh cấp.
- + Ngày 14/12/2006: Công ty TNHH 1 Thành Viên Bò sữa Việt Nam được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 150400003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Tuyên Quang cấp.
- + Ngày 26/02/2007: Công ty Cổ Phần Sữa Lam Sơn được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 2603000521 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Thanh Hóa cấp.
- + Ngày 24/06/2010 : Công ty Cổ Phần Sữa Lam Sơn được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành Viên Sữa Lam Sơn.
- + Ngày 30/09/2010 : Công ty TNHH 1 Thành Viên Sữa Dielac được đăng ký thành lập dựa trên đăng ký lại từ Công ty TNHH Thực phẩm F&N Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 463041000209, do Ban quản lý Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore cấp.
- + Ngày 18/9/2012, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã ra quyết định số 2482/QĐ-CTS.KSNB/2012 về việc giải thể Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Dielac để thành lập chi nhánh trực thuộc Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. Vào ngày 25 tháng 9 năm 2012, Ban Quản lý KCN Việt Nam-Singapore cũng ra quyết định số 37/QĐ-BQL về việc chấm dứt hoạt động của

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Công ty TNHH Một thành viên Sữa Dielac. Trong tháng 7 năm 2013, Công ty TNHH Một thành viên Sữa Dielac đã hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp.

- + Ngày 21/10/2013 : Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2801971744 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp
- + Ngày 06/12/2013, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 663/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, đầu tư vào Công ty Drifwood Dairy Holding Corporation tại Bang Carlifornia, Hoa Kỳ. Tại ngày 31/12/2013, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển tiền đầu tư 7.000.000,00 USD và nắm giữ 70% vốn chủ sở hữu tại Công ty Drifwood Dairy Holding Corporation.

Tại thời điểm 31/12/2013,

+ **Tập đoàn có các đơn vị phụ thuộc, công ty con, công ty liên kết như sau:**

Các chi nhánh:

- 1/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Hà Nội - Tầng 11, Tháp B, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP Hà Nội.
- 2/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Đà Nẵng - Số 12 Chi Lăng, Phường Hải Châu II, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.
- 3/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Cần Thơ - Số 86D Hùng Vương, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

Các nhà máy:

- 1/ Nhà máy sữa Thống Nhất - Số 12 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- 2/ Nhà máy sữa Trường Thọ - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- 3/ Nhà máy sữa Dielac- Khu Công nghiệp Biên hòa I, Đồng Nai.
- 4/ Nhà máy sữa Cần Thơ - Khu Công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ.
- 5/ Nhà máy sữa Sài Gòn - Khu CN Tân Thới Hiệp, Q12,TP HCM.
- 6/ Nhà máy sữa Nghệ An - Đường Sào Nam, Phường Nghi Thu, TX Cửa Lò, Nghệ An.
- 7/ Nhà máy sữa Bình Định - 87 Hoàng Văn Thụ, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định.
- 8/ Nhà máy nước giải khát Việt Nam - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương.
- 9/ Nhà máy sữa Tiên Sơn - Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.
- 10/ Nhà máy sữa Đà Nẵng – Khu Công nghiệp Hòa Khánh, TP Đà Nẵng.
- 11/ Nhà máy Sữa bột Việt Nam - 9 Đại lộ Tự Do – KCN Việt Nam-Singapore, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
- 12/ Nhà máy Sữa Việt Nam - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kho vận:

1/ Xí nghiệp Kho Vận - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.

2/ Xí nghiệp Kho Vận Hà Nội – Km 10 Quốc lộ 5, Xã Dương Xá, Q Gia Lâm, Hà Nội.

Phòng khám:

Phòng khám đa khoa An Khang – 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, Q.3, TP.HCM.

Công ty con:

+ Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn

- Địa chỉ: KCN Lễ Môn, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

+ Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam

- Địa chỉ: 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP HCM, Việt Nam.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

+ Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư BĐS Quốc tế

- Địa chỉ: 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP HCM, Việt Nam.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

+ Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa

- Địa chỉ: Khu phố 1, Thị trấn NT Thống Nhất, Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 96.33%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 96.33%

+ Công ty Cổ phần Sữa Drifwood (Driftwood Dairy Holding Corporation)

- Địa chỉ: 10724 E.Lower Azusa Rd. El Monte, California 91731-1390, USA
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 70%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 70%

Công ty liên kết:

+ Công ty Cổ Phần Nguyên Liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn

- Địa chỉ: Lô C-9E-CN, KCN Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Tỷ lệ phần sở hữu: 15 %
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 15%

+ Công ty TNHH MIRAKA

- Địa chỉ: 109 Tuwharetoa, Taupo, New Zealand.
- Tỷ lệ phần sở hữu: 19,29%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 19,29%

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

+ Căn hộ Horizon

- Địa chỉ trụ sở chính : Công ty địa ốc FICO
Tầng lửng, Khu C, 348 Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 5, TPHCM.
- Tỷ lệ phần sở hữu : 24,5 %
- Tỷ lệ quyền biểu quyết : 24,5%

2. Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh, Tập đoàn được phép thực hiện các lĩnh vực và ngành nghề như sau:

- a. Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác;
- b. Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu;
- c. Kinh doanh nhà;
- d. Môi giới, cho thuê bất động sản;
- e. Kinh doanh kho, bến bãi;
- f. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- g. Bốc xếp hàng hóa;
- h. Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan (không sản xuất chế biến tại trụ sở);
- i. Sản xuất và mua bán bao bì;
- j. In trên bao bì;
- k. Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa (không sản xuất bột giấy, tái chế phế thải nhựa tại trụ sở);
- l. Phòng khám đa khoa;
- m. Chăn nuôi, trồng trọt, các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi, trồng trọt;
- n. Dịch vụ sau thu hoạch;
- o. Xử lý hạt giống để nhân giống.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

1. Kỳ kế toán:

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

1. Chế độ kế toán áp dụng:

- Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2009.
- Tập đoàn soạn lập các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 – Trình bày Báo cáo tài chính.
- Các Chế độ Kế toán được áp dụng nhất quán với những Chế độ Kế toán áp dụng với Báo cáo tài chính năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.
- Không có Chuẩn mực Kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế Toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng:

Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (“VNĐ”), và được soạn lập theo Chế độ Kế toán, Chuẩn mực Kế toán, Nguyên tắc Kế toán Việt Nam được chấp nhận chung tại Việt Nam.
- Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền:

a. Tiền và nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

- Tiền: Bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển.
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:
 - + Các khoản tiền mặt: Căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

- + Các khoản tiền gửi ngân hàng: Căn cứ vào giấy báo Nợ và báo Có của Ngân hàng kết hợp với sổ phụ hoặc bảng xác nhận số dư của các ngân hàng tại từng thời điểm.
- + Các khoản tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

b. Các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

c. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

▪ **Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ:**

Được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả hoạt động Kinh doanh.

▪ **Đối với đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:**

Cuối quý, cuối niên độ: Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản, có số dư ngoại tệ lớn nhất tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được kết chuyển vào tài khoản chênh lệch tỷ giá, số dư cuối cùng sẽ được kết chuyển vào chi phí hay doanh thu tài chính (theo thông tư 179/2012/TT-BTC).

➤ **Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:**

31/12/2012	:	20.800 VNĐ/USD
31/12/2013	:	21.080 VNĐ/USD

3. Hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được (giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.)
- Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

- Các loại nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư phụ tùng, thành phẩm, công cụ, hàng hóa được áp dụng phương pháp bình quân gia quyền khi xác định giá xuất kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

- Hàng tồn kho nhập khẩu trong kỳ được ghi nhận tăng theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính.
- Hàng tồn kho tăng giảm trong kỳ bằng các hình thức di chuyển điều kho nội bộ sẽ được hạch toán tăng theo giá hạch toán (giá điều chuyển); phần chênh lệch giữa giá hạch toán và giá bình quân sẽ được hạch toán vào tài khoản chênh lệch. Cuối kỳ, phần chênh lệch sẽ được hạch toán vào hàng tồn kho hoặc giá vốn hàng bán (tùy thuộc vào tính chất xuất kho của hàng tồn kho này).

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Tập đoàn thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính.

4. Các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu khác và cách thức lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:

- Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu – VAS 14 về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ đã được xem xét, phê duyệt.
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi : được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:

Tập đoàn quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình, vô hình:

➤ **TSCĐ hữu hình:**

- Giá trị Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên tắc: Nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập Đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Nguyên giá TSCĐ nhập khẩu sẽ được ghi nhận theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình mua sắm TSCĐ được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.
- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.
- Chi phí phát triển đàn bò được vốn hóa cho đến khi chúng trưởng thành và chuyển sang thành tài sản cố định để trích khấu hao.

➤ TSCĐ vô hình:

- Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...
- Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm nghiệm thu và đưa phần mềm vào sử dụng.

b. Phương pháp khấu hao:

- TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích (liên quan đến tỷ lệ khấu hao) cụ thể như sau:

Nhóm loại	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6
Gia súc	6

- TSCĐ vô hình là phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 6 năm. Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không trích khấu hao.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc; các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

- Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các tổ chức kinh tế này.
- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

7. Bất động sản đầu tư

- Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hay cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng mà Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải dùng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa hay dịch vụ, dùng cho các mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.
- Khấu hao : Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.
- Thanh lý : Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn.
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước tuân thủ theo nguyên tắc:
 - + Theo thời gian hữu dụng xác định: Phương pháp này áp dụng cho các khoản tiền thuê nhà đất trả trước.
 - + Theo thời gian hữu dụng quy ước: Phương pháp này áp dụng cho các khoản chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa lớn, công cụ dụng cụ phân bổ...

9. Phải trả người bán và phải trả khác:

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận theo nghĩa vụ thực tế phát sinh.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

- Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.
- Tập đoàn ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

- + Chi phí khuyến mãi phải trả: Được trích trước chi phí theo tiến độ chương trình (chủ yếu theo tiêu thức doanh thu)
- + Chi phí quảng cáo phải trả: Được trích theo tiến độ và thời hạn của các hợp đồng thực hiện.
- + Chi phí thuê nhà, đất phải trả: Trích trước theo thời gian thực hiện của hợp đồng.
- + Chi phí sửa chữa lớn trích trước theo kế hoạch sửa chữa lớn được duyệt.
- + Các chi phí phải trả khác theo nội dung hợp đồng quy định.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp được tính toán và trích lập theo những quy định của Luật Bảo Hiểm Xã Hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

12. Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

a. Tài sản tài chính

➤ Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

➤ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

- Các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

➤ Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

➤ Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu

b. Nợ phải trả tài chính

➤ Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - Được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

➤ Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- + Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông.
- + Thặng dư vốn cổ phần: Là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.
- + Vốn khác: Hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

- Lợi nhuận sau thuế được phân phối như sau:

- + Quỹ đầu tư phát triển : 10% lợi nhuận sau thuế
- + Quỹ khen thưởng phúc lợi : 10% lợi nhuận sau thuế
- + Quỹ dự phòng tài chính : 5% lợi nhuận sau thuế (tối đa bằng 10% vốn điều lệ của Công ty).

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, doanh thu tài chính:

- Đối với hàng hóa, thành phẩm: Doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.
- Đối với dịch vụ: Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.
 - + Tiền lãi: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

- + Cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi Tập Đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - + Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - + Lỗ đầu tư chứng khoán: được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá thực tế thanh toán.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.
- Thuế thu nhập hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi) được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ;
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

- Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 15% đến 25% trên thu nhập chịu thuế, tùy theo nơi đặt các nhà máy sản xuất.

17. Hợp nhất báo cáo

➤ **Công ty con**

- Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.
- Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

➤ **Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông thiểu số.**

- Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông thiểu số giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn. Khoản lãi hoặc lỗ từ việc bán bớt cổ phần cho cổ đông thiểu số được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc mua cổ phần từ cổ đông thiểu số sẽ tạo ra lợi thế thương mại, là sự chênh lệch giữa khoản tiền thanh toán và phần giá trị tài sản thuần thể hiện trên sổ sách của công ty con.

➤ **Công ty liên kết**

- Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

- Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho công ty liên kết.
- Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện của các nghiệp vụ nội bộ giữa Tập đoàn với công ty liên kết sẽ được giảm trừ vào lãi đầu tư vào công ty liên kết. Các chính sách kế toán của công ty liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách mà Tập đoàn áp dụng.

V. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH:

Các nhân tố rủi ro tài chính :

- Tập đoàn đánh giá những rủi ro sau từ việc sử dụng các công cụ tài chính:
 - Rủi ro thị trường
 - Rủi ro thanh khoản
 - Rủi ro tín dụng
- Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Điều hành thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Tập đoàn.

1. **Rủi ro thị trường**

- Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá cả khác. Mục tiêu quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát rủi ro mà Tập đoàn có thể gặp phải trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hoá lợi nhuận.

a. Rủi ro tiền tệ

- Tập đoàn phải chịu rủi ro tỷ giá ngoại hối trong các giao dịch mua bán sử dụng đơn vị tiền tệ khác đồng Việt Nam. Loại tiền tệ gây ra rủi ro này chủ yếu là USD và Euro (các loại tiền tệ khác có giao dịch không trọng yếu).
- Tập đoàn đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở mức chấp nhận được bằng cách mua bán ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay trong trường hợp cần thiết để giải quyết tình trạng mất cân đối trong ngắn

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

hạn đồng thời lập kế hoạch thanh toán bằng ngoại tệ với mức độ chính xác cao nhất có thể. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt trên rủi ro tiềm tàng của những biến động về tỷ giá hối đoái.

- Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn đối với USD và EUR là như sau :

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Tiền gốc ngoại tệ		VNĐ tương đương	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	16.776.617,91	21.605,63	353.651.105.541	625.612.622
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	40.228.189,38	-	848.010.232.201	-
	<u>57.004.807,29</u>	<u>21.605,63</u>	<u>1.201.661.337.742</u>	<u>625.612.622</u>
Nợ tài chính				
Phải trả người bán và các khoản nợ khác (**)	(28.256.420,03)	(6.861.815,21)	(595.645.334.232)	(198.690.721.221)
Mức độ rủi ro tiền tệ	<u>28.748.387,26</u>	<u>(6.840.209,58)</u>	<u>606.016.003.509</u>	<u>(198.065.108.599)</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Tiền gốc ngoại tệ		VNĐ tương đương	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	11.737.838,41	49.847,54	244.147.038.928	1.360.887.689
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	26.862.851,87	9.151,00	558.747.318.929	249.831.451
	<u>38.600.690,28</u>	<u>58.998,54</u>	<u>802.894.357.857</u>	<u>1.610.719.140</u>
Nợ tài chính				
Phải trả người bán và các khoản nợ khác (**)	(35.559.706,67)	(12.185.695,36)	(739.641.898.740)	(332.681.669.023)
Mức độ rủi ro tiền tệ	<u>3.040.983,61</u>	<u>(12.126.696,82)</u>	<u>63.252.459.117</u>	<u>(331.070.949.883)</u>

(*) : Phải thu khách hàng và phải thu khác được trình bày ở thuyết minh này bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác có gốc công nợ USD/EUR tại thời điểm cuối kỳ.

(**) : Phải trả người bán và các khoản nợ khác được trình bày ở thuyết minh này bao gồm các khoản nợ phải trả người bán, phải trả người lao động, chi phí phải trả và phải trả khác ngắn hạn và dài hạn có gốc công nợ USD/EUR tại thời điểm cuối kỳ.

Các tỷ giá quan trọng được áp dụng trong năm như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
USD	21.080	20.800
EUR	28.956	27.301

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nếu đồng Việt Nam yếu đi/mạnh lên 5% so với đô la Mỹ trong khi các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế trong năm sẽ cao/thấp hơn một khoản là 22.725.600.132 VND, chủ yếu do lãi/lỗ ngoại hối trong việc chuyển đổi các khoản phải thu và các khoản phải trả thương mại bằng đô la Mỹ.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nếu đồng VND yếu đi/mạnh lên 5% so với đồng EUR trong khi các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế trong năm sẽ thấp/cao hơn một khoản là 7.427.441.572 VND, chủ yếu do lỗ/lãi ngoại hối trong việc chuyển đổi các khoản phải thu và các khoản phải trả thương mại bằng đồng EUR.

b. Rủi ro giá cả

- Tập đoàn có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong các năm vừa qua.
- Đối với các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn niêm yết, nếu giá các chứng khoán tăng / giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sẽ cao/thấp hơn 7.526.266.200 VND tương ứng với xu hướng thay đổi của giá.

c. Rủi ro lãi suất

Các thay đổi lãi suất sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận thuần của Tập đoàn.

2. Rủi ro tín dụng

- Rủi ro tín dụng là rủi ro xảy ra tổn thất tài chính đối với Tập đoàn nếu một khách hàng hay bên đối tác của một công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và chủ yếu phát sinh từ các khoản phải thu của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

- Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng:

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.744.355.064.174	1.251.112.916.346
Tiền gửi có kỳ hạn	3.600.000.000.000	2.974.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.305.337.326.184	1.669.743.665.741
Đầu tư ngắn hạn – Công cụ nợ	-	300.000.000.000
Đầu tư dài hạn – Công cụ nợ	-	50.000.000.000
	<u>8.649.692.390.358</u>	<u>6.244.856.582.087</u>

- Tiền và các khoản tương đương tiền và Tiền gửi có kỳ hạn:

Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

- Phải thu khách hàng và phải thu khác

- Mức độ rủi ro tín dụng của Tập đoàn bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.
- Ban Điều hành đã thiết lập chính sách tín dụng, theo đó, mỗi khách hàng mới được đánh giá về mức độ tín nhiệm trước khi Tập đoàn đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Tập đoàn với điều kiện trả tiền trước.
- Tập đoàn sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của các nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn – Công cụ nợ

- Rủi ro tín dụng đầu tư vào trái phiếu của Tập đoàn bị ảnh hưởng bởi các nhân tố riêng của bên phát hành. Trong việc kiểm soát rủi ro đối với khoản mục này, Ban Điều hành của Tập đoàn đã phân tích mức độ tín nhiệm của bên phát hành trước khi mua. Ban Điều hành nhận thấy rằng bên phát hành có khả năng tài chính tốt và tin rằng rủi ro tín dụng của các công cụ nợ này là thấp.
- Trong kỳ, không có dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công cụ nợ

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

a. Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị:

- Tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư vào trái phiếu không quá hạn cũng như không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng được xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng như không giảm giá chủ yếu là từ các Công ty có quá trình thanh toán tốt cho Tập đoàn.
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng như không bị suy giảm giá trị của Tập đoàn lên đến 2.108.901.971.077 VND (2012: 1.651.987.314.538 VND).

b. Tài sản tài chính quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị:

- Không có các nhóm tài sản tài chính khác quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị ngoại trừ các khoản phải thu.
- Các khoản phải thu quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị bao gồm như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
Quá hạn 1 đến 30 ngày	182.137.670.525	13.392.747.256
Quá hạn 31 đến 60 ngày	1.522.157.190	214.534.274
Quá hạn 61 đến 90 ngày	132.616.901	574.491.413
Quá hạn hơn 90 ngày	166.581.220	-
	<u>183.959.025.836</u>	<u>14.181.772.943</u>

- Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu được đánh giá là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng suy giảm giá trị có liên quan như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
Tổng gộp	19.863.417.180	7.427.162.147
Trừ : Dự phòng suy giảm giá trị	(7.387.087.909)	(3.852.583.886)
	<u>12.476.329.270</u>	<u>3.574.578.261</u>

	31/12/2013	31/12/2012
Giá trị đầu kỳ	3.852.583.886	1.918.007.430
Dự phòng tăng	7.317.652.651	1.972.328.394
Xóa sổ nợ phải thu khó đòi	(3.783.148.628)	(37.751.938)
Giá trị cuối kỳ	<u>7.387.087.909</u>	<u>3.852.583.886</u>

3. **Rủi ro thanh khoản:**

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Tập đoàn là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Tập đoàn và dòng lưu chuyển tiền

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Tập đoàn.

- Bảng sau phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh của Tập đoàn theo thời hạn đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền không chiết khấu theo hợp đồng.

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 2 năm	Từ 2 đến 5 năm
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Phải trả người bán	1.968.257.136.188	-	-
Phải trả người lao động	137.540.107.294	-	-
Chi phí phải trả	490.760.970.004	-	-
Các khoản phải trả khác	1.341.762.807.045	5.036.159.560	-
Các khoản vay	178.943.692.147	-	184.142.784.403
	4.117.264.712.678	5.036.159.560	184.142.784.403
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Phải trả người bán	2.247.659.149.801	-	-
Phải trả người lao động	106.150.509.860	-	-
Chi phí phải trả	365.103.636.850	-	-
Các khoản phải trả khác	664.137.048.409	-	-
Các khoản vay	-	-	-
	3.383.050.344.920	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

4. Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán như sau:

	Thuyết minh	31/12/2013		31/12/2012	
		Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:					
- Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết nắm giữ để kinh doanh	(ii)	9.521.269.292	26.326.080.000	9.521.269.292	23.839.728.000
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:					
- Tiền gửi có kỳ hạn	(i)	3.600.000.000.000	3.600.000.000.000	2.974.000.000.000	2.974.000.000.000
- Trái phiếu doanh nghiệp	(v)	-	Thuyết minh (v)	300.000.000.000	Thuyết minh (v)
- Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn	(v)	-	Thuyết minh (v)	50.000.000.000	Thuyết minh (v)
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:					
- Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	2.744.355.064.174	2.744.355.064.174	1.251.112.916.346	1.251.112.916.346
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	(i)	2.305.337.326.184	2.305.337.326.184	1.669.743.665.741	1.669.743.665.741
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:					
- Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết sẵn sàng để bán	(ii)	179.237.503.400	100.350.264.600	201.499.700.820	140.029.324.400
- Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu chưa niêm yết sẵn sàng để bán	(iii)	82.533.803.026	15.446.113.626	82.283.660.000	13.725.392.800
- Đầu tư ngắn hạn khác	(v)	442.000.000.000	Thuyết minh (v)	472.000.000.000	Thuyết minh (v)
- Đầu tư dài hạn vào các quỹ đầu tư	(iv)	21.677.078.220	11.428.445.958	30.540.000.000	16.184.115.533
- Đầu tư dài hạn khác	(v)	22.250.548.736	Thuyết minh (v)	300.000.000	Thuyết minh (v)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:					
- Phải trả người bán và phải trả khác	(i)	(4.306.443.656.641)	(4.306.443.656.641)	(3.383.050.344.920)	(3.383.050.344.920)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

i. Tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác, phải trả người bán và phải trả khác

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính gần bằng với giá trị hợp lý của chúng do các công cụ này có thời gian đáo hạn ngắn.

ii. Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết

Giá trị thị trường của công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh dựa trên giá đóng cửa của ngày giao dịch chính thức cuối cùng của kỳ/năm tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

iii. Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu chưa niêm yết

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn chưa niêm yết dựa trên giá giao dịch bình quân do ba công ty chứng khoán cung cấp.

iv. Đầu tư dài hạn vào các quỹ đầu tư

Giá trị thị trường của các quỹ đầu tư dựa trên Giá trị Tài sản thuần của danh mục quỹ được xác nhận bởi công ty chứng khoán và ngân hàng giám sát được bổ nhiệm.

v. Trái phiếu doanh nghiệp ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn khác, trái phiếu doanh nghiệp dài hạn và đầu tư dài hạn khác

Tập đoàn không xác định được giá trị hợp lý của các tài sản và nợ tài chính nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo Điều 28 của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ:**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	1.290.261.776	1.007.244.458
- Tiền gửi ngân hàng	1.393.244.021.897	850.362.916.346
- Tiền đang chuyển	-	750.000.000
- Các khoản tương đương tiền	1.351.111.042.277	400.000.000.000
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	1.351.111.042.277	400.000.000.000
• Cổ phiếu	-	-
• Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
Cộng	<u>2.745.645.325.950</u>	<u>1.252.120.160.804</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	271.292.575.718	593.304.630.112
• Chứng khoán đã niêm yết	188.758.772.692	211.020.970.112
• Chứng khoán chưa niêm yết	82.533.803.026	82.283.660.000
• Trái phiếu doanh nghiệp	-	300.000.000.000
• Trái phiếu Chính phủ	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	4.042.000.000.000	3.446.000.000.000
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	3.600.000.000.000	2.974.000.000.000
• Đầu tư ngắn hạn khác	442.000.000.000	472.000.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(145.974.953.400)	(130.028.675.620)
• Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(145.974.953.400)	(130.028.675.620)
• Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	<u>4.167.317.622.318</u>	<u>3.909.275.954.492</u>

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số đầu năm	(130.028.675.620)	(79.244.243.600)
- Trích lập dự phòng trong năm	(24.708.724.000)	-
- Tăng khác (phân loại từ dự phòng dài hạn)	-	(54.008.653.800)
- Hoàn nhập dự phòng	7.312.836.920	3.224.221.780
- Sử dụng dự phòng	1.449.609.300	-
Số cuối năm	<u>(145.974.953.400)</u>	<u>(130.028.675.620)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khách hàng trong nước	928.450.463.489	788.172.322.777
- Khách hàng nước ngoài	966.270.564.295	481.669.436.235
Cộng	<u>1.894.721.027.784</u>	<u>1.269.841.759.012</u>

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	737.900.941	-
- Lãi tiền gửi	186.194.305.557	55.733.508.797
- Cổ tức	6.280.283.226	-
- Lãi trái phiếu và lãi cho vay	-	27.586.763.700
- Thuế NK còn được hoàn	126.227.097.567	235.708.097.835
- Hỗ trợ, bồi thường từ Nhà cung cấp	80.172.000.489	76.841.890.627
- Phải thu khác	17.655.131.863	7.884.229.656
Cộng	<u>417.266.719.643</u>	<u>403.754.490.615</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Tỷ lệ trích lập (%)</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		(7.387.087.909)	(3.852.583.886)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	30%	(5.466.928.938)	(1.064.208.349)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%	(1.765.430.582)	(37.325.500)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%	(76.342.000)	(2.633.752.212)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	100%	(78.386.389)	(117.297.825)
- Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	100%	-	-
Cộng		<u>(7.387.087.909)</u>	<u>(3.852.583.886)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi trên đường	545.709.876.853	702.869.203.610
- Nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư kỹ thuật	1.672.882.301.995	2.041.420.485.347
- Công cụ, dụng cụ	8.098.365.017	8.332.323.313
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	138.430.291.511	89.198.796.393
- Thành phẩm	837.395.279.814	591.779.813.093
- Hàng hóa	24.520.590.546	20.857.268.341
- Hàng gửi đi bán	823.248.697	21.842.627.806
Cộng	<u>3.227.859.954.432</u>	<u>3.476.300.517.903</u>

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	(6.030.018.852)	(1.639.971.515)
- Công cụ, dụng cụ, vật tư kỹ thuật	(1.692.735.380)	(1.426.604.224)
- Thành phẩm	(2.646.251.312)	(378.079.902)
- Hàng hóa	(7.900.000)	(10.509.744)
Cộng	<u>(10.376.905.544)</u>	<u>(3.455.165.385)</u>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số đầu năm	(3.455.165.385)	(4.933.906.670)
- Trích lập dự phòng trong năm	(12.956.320.720)	(8.686.194.492)
- Hoàn nhập dự phòng	4.622.379.936	8.476.656.163
- Sử dụng dự phòng trong năm	1.412.200.625	1.688.279.614
Số cuối năm	<u>(10.376.905.544)</u>	<u>(3.455.165.385)</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Chi phí triển khai phần mềm, bảo trì mạng	2.499.507.569	17.820.502.577	15.680.847.220	-	4.639.162.926
- Chi phí quảng cáo	2.542.287.500	2.116.226.667	4.276.390.530	-	382.123.637
- Chi phí tư vấn	-	-	-	-	-
- Chi phí CCDC bán hàng	46.373.495.946	95.230.908.684	73.412.542.948	-	68.191.861.682
- Chi phí thuê mặt bằng, vị trí	1.587.393.638	20.016.048.135	20.031.625.135	-	1.571.816.638
- Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	10.519.642.155	38.023.132.503	33.044.250.576	-	15.498.524.082
- Chi phí cải tạo, sửa chữa lớn	7.133.316.219	12.545.485.042	16.528.138.369	-	3.150.662.892
- Chi phí khác	1.687.924.627	238.503.303.086	203.407.065.984	509.950.839	36.274.210.890
Cộng	<u>72.343.567.654</u>	<u>424.255.606.694</u>	<u>366.380.860.762</u>	<u>509.950.839</u>	<u>129.708.362.747</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Gia súc	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình							
Số dư đầu năm	1.187.312.617.245	4.404.145.312.663	362.119.442.659	316.019.727.093	243.278.216.767	-	6.512.875.316.427
Mua sắm mới	21.443.281.411	170.337.213.245	31.869.550.334	93.830.103.903	1.418.527.662	-	318.898.676.555
Đầu tư XDCB hoàn thành	853.321.619.066	2.882.475.196.555	189.992.039.573	26.291.293.370	-	-	3.952.080.148.564
Súc vật nuôi chuyển đàn	-	-	-	-	52.940.783.988	-	52.940.783.988
Tăng do hợp nhất kinh doanh	78.789.493.059	320.489.345.662	22.518.303.621	12.780.062.096	-	52.379.099.002	486.956.303.440
Tăng khác	-	-	-	235.546.000	-	-	235.546.000
Chuyển sang BĐS đầu tư	(3.460.558.894)	(469.928.364)	-	-	-	-	(3.930.487.258)
Phân loại lại	(181.957.903)	(1.409.049.049)	1.195.238.095	395.768.857	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(10.010.177.958)	(17.750.933.890)	(14.313.380.542)	(7.103.428.556)	(31.487.930.578)	-	(80.665.851.524)
Giảm khác	(1.097.097.639)	(10.388.099.548)	(1.244.306.113)	(41.876.973.950)	(37.202.623.488)	(313.842.255)	(92.122.942.993)
Số dư cuối năm	2.126.117.218.387	7.747.429.057.274	592.136.887.627	400.572.098.813	228.946.974.351	52.065.256.747	11.147.267.493.199
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	264.232.142.882	1.641.426.724.725	151.530.046.106	162.403.480.845	69.839.462.266	-	2.289.431.856.824
Khấu hao trong năm	77.250.222.562	561.606.403.695	41.657.775.642	51.747.651.000	39.340.277.534	5.389.951	771.607.720.384
Tăng do hợp nhất kinh doanh	29.151.154.036	230.576.820.909	19.234.838.299	9.995.180.022	-	43.415.349.204	332.373.342.470
Chuyển sang BĐS đầu tư	(1.353.912.542)	(293.316.235)	-	-	-	-	(1.647.228.777)
Phân loại lại	2.425.343	(1.010.384.132)	946.573.604	61.385.185	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(3.362.269.602)	(14.446.301.494)	(8.088.626.123)	(7.008.792.787)	(10.842.400.194)	-	(43.748.390.200)
Giảm khác	(596.349.982)	(4.466.990.118)	(311.799.285)	(28.501.936.669)	(15.926.112.623)	(5.389.951)	(49.808.578.628)
Số dư cuối năm	365.323.412.697	2.413.392.957.350	204.968.808.243	188.696.967.596	82.411.226.983	43.415.349.204	3.298.208.722.073
III. Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	923.080.474.363	2.762.718.587.938	210.589.396.553	153.616.246.248	173.438.754.501	-	4.223.443.459.603
Tại ngày cuối năm	1.760.793.805.690	5.334.036.099.924	387.168.079.384	211.875.131.217	146.535.747.368	8.649.907.543	7.849.058.771.126

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
+Số đầu năm	324.478.280.840	-	62.701.742.344	-	387.180.023.184
+Tăng trong năm					
-Mua sắm mới	37.683.017.909		8.883.112.715	-	46.566.130.624
-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	30.097.930.832		24.588.635.232	-	54.686.566.064
-Tăng do hợp nhất kinh doanh	212.908.000.000	-	-	68.510.001.897	281.418.001.897
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong năm					
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	(702.055.800)	-	(702.055.800)
-Chuyển sang BĐS Đầu tư	(15.850.800.000)	-	-	-	(15.850.800.000)
-Giảm khác	(62.055.125.624)	-	(500.498.072)	-	(62.555.623.696)
+ Số cuối năm	527.261.303.957	-	94.970.936.419	68.510.001.897	690.742.242.273
Giá trị hao mòn					
+Số đầu năm	82.756.148.988	-	50.808.218.640	-	133.564.367.628
+Tăng trong năm					
-Khấu hao trong năm	5.329.218.448	-	5.208.965.579	-	10.538.184.027
-Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	47.943.521.448	47.943.521.448
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong năm					
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	(702.055.800)	-	(702.055.800)
-Giảm khác	(31.957.194.792)	-	(129.993.863)	-	(32.087.188.655)
+ Số cuối năm	56.128.172.644	-	55.185.134.556	47.943.521.448	159.256.828.648
+Giá trị còn lại					
-Số đầu năm	241.722.131.852	-	11.893.523.704	-	253.615.655.556
+ Số cuối năm	471.133.131.313	-	39.785.801.863	20.566.480.449	531.485.413.625

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

11. Bất động sản đầu tư :

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Nhà và Quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Cộng
Nguyên giá					
+Số đầu năm	27.489.150.000	84.183.047.263	-	5.994.290.197	117.666.487.460
+Tăng trong năm					
-Mua trong năm	-	-	-	-	-
-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	38.884.288.170	-	-	-	38.884.288.170
-Chuyển từ TSCĐ	15.850.800.000	3.317.636.364		612.850.894	19.781.287.258
-Chuyển từ hàng hóa BĐS	-	-	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
-Phân loại lại	-	-	-	-	-
+Giảm trong năm					
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
-Chuyển sang TSCĐ	-	-	-	-	-
-Chuyển sang hàng hóa BĐS	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối năm	82.224.238.170	87.500.683.627	-	6.607.141.091	176.332.062.888
Giá trị hao mòn					
+Số đầu năm	-	19.208.367.862	-	1.743.730.508	20.952.098.370
+Tăng trong năm					
-Khấu hao trong năm	264.518.968	3.378.821.967	-	643.677.805	4.287.018.740
-Chuyển từ TSCĐ	-	1.322.945.996	-	324.282.781	1.647.228.777
-Tăng khác	-	-	-	-	-
-Phân loại lại	-	-	-	-	-
+Giảm trong kỳ					
-Chuyển sang hàng hóa BĐS	-	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối năm	264.518.968	23.910.135.825	-	2.711.691.094	26.886.345.887
+Giá trị còn lại					
-Số đầu năm	27.489.150.000	64.974.679.401	-	4.250.559.689	96.714.389.090
+ Số cuối năm	81.959.719.202	63.590.547.802	-	3.895.449.997	149.445.717.001

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số dư đầu năm	3.565.241.433.334	1.295.087.396.884
- Tăng trong năm	1.127.953.553.346	3.244.215.655.105
- Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(3.952.080.148.564)	(961.162.499.610)
- Chuyển sang TSCĐ vô hình	(54.686.566.064)	-
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư	(38.884.288.170)	-
- Chuyển sang Hàng tồn kho	-	-
- Thanh lý	-	-
- Giảm khác	(109.671.633.254)	(12.899.119.045)
Số dư cuối năm	<u><u>537.872.350.628</u></u>	<u><u>3.565.241.433.334</u></u>

Trong đó có giá trị các công trình lớn đang được thực hiện tại các nhà máy, chi nhánh và văn phòng sau :

+ Công ty CP sữa Việt Nam :

- Văn phòng công ty : đang thực hiện các công trình sau:	50.103.160.903	83.726.991.419
<i>Trang trại Bò Sữa</i>	35.827.102.037	35.366.294.536
<i>NM Sữa Lam Sơn</i>	7.800.711.948	4.045.436.097
<i>Công trình khác</i>	6.475.346.918	44.315.260.786
- XNKV Hồ Chí Minh	199.563.636	-
- NM Sữa Trường Thọ	7.496.621.708	-
- NM Sữa Thống Nhất	-	24.382.700
- NM Sữa Sài Gòn	-	591.352.078
- NM Sữa Cần Thơ	24.000.000	694.028.935
- NM Sữa Bình Định	83.161.638	115.098.182
- XNKV Hà Nội	8.107.019.200	8.747.985.700
- NM Sữa Tiên Sơn	92.638.406.909	-
- NM Nước Giải Khát	-	432.856.316
- NM Sữa Đà Nẵng	-	21.448.226.014
- NM Sữa bột Việt Nam	22.234.884.364	1.509.809.070.248
- NM Sữa Việt Nam	27.693.383.103	1.819.204.239.183
- Văn phòng - CN tại Cần Thơ	52.101.510.922	45.086.527.051
- Chi nhánh Hà Nội	21.177.273	-
- Chi nhánh Đà Nẵng	-	490.909.091
+ Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam	194.630.030.013	35.786.677.584
+ Công ty TNHH MTV Sữa Lam Sơn	81.641.906.162	39.083.088.833
+ Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	20.676.270	-
+ Công ty Cổ phần Sữa Driftwood	876.848.528	-
Cộng	<u><u>537.872.350.629</u></u>	<u><u>3.565.241.433.334</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn gốc đầu tư cuối kỳ	Giá trị đầu tư cuối năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
- Căn hộ Horizon - Hợp đồng hợp tác kinh doanh	24,50%	24,50%	7.982.684.826	7.982.684.826
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn - Công ty liên kết	15,00%	15,00%	18.000.000.000	27.975.762.678
- Công ty TNHH MIRAKA - Công ty liên kết	19,29%	19,29%	213.028.307.770	248.670.851.841(*)
Cộng			239.010.992.596	284.629.299.345

(*) Tập đoàn sử dụng Báo cáo tài chính tháng 11/2013 của Công ty TNHH Miraka để hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đầu tư cổ phiếu	21.677.078.220	30.540.000.000
• Cổ phiếu đã niêm yết	-	-
• Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-
• Các quỹ đầu tư	21.677.078.220	30.540.000.000
- Trái phiếu doanh nghiệp	-	50.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	-	-
- Đầu tư dài hạn khác	22.250.548.736	300.000.000
Cộng	43.927.626.956	80.840.000.000

15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(10.248.632.262)	(14.355.884.467)
Cộng	(10.248.632.262)	(14.355.884.467)

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	(14.355.884.467)	(142.350.792.629)
- Trích lập dự phòng trong năm	(238.406.621)	(763.261.300)
- Hoàn nhập dự phòng	-	74.749.515.662
- Sử dụng dự phòng	4.345.658.826	-
- Giảm khác (phân loại sang dự phòng ngắn hạn)	-	54.008.653.800
Số cuối năm	(10.248.632.262)	(14.355.884.467)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

16. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Tiền thuê mặt bằng	2.159.885.571	8.455.270.242	3.329.984.359	852.304.998	6.432.866.456
- CP CCDC	37.556.491.051	189.890.187.410	41.171.453.715	102.324.091.622	83.951.133.124
- CP trả trước dài hạn khác	1.357.601.500	92.427.754.241	12.006.882.332	1.010.634.673	80.767.838.735
Cộng	41.073.978.122	290.773.211.893	56.508.320.406	104.187.031.293	171.151.838.315

17. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-
- Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	517.000.000	-
- Vay dài hạn đến hạn trả	178.426.692.147	-
Cộng	178.943.692.147	-

18. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay dài hạn ngân hàng	168.203.257.533	-
- Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	1.047.000.000	-
- Nợ dài hạn	14.892.526.870	-
Cộng	184.142.784.403	-

Kỳ hạn thanh toán Vay và Nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Từ 1 năm trở xuống	178.426.692.147	-
- Trên 1 năm đến 5 năm	168.203.257.533	-
- Trên 5 năm	15.939.526.870	-
Cộng	362.569.476.550	-

19. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhà cung cấp nội địa	1.061.181.712.262	1.131.390.561.129
- Nhà cung cấp nước ngoài	906.965.396.868	1.115.867.560.673
- Nhà phân phối	110.027.058	401.028.000
Cộng	1.968.257.136.188	2.247.659.149.802

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

20. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	54.233.354.136	900.507.414.401	847.789.811.883	106.950.956.654
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	4.872.651.570	473.775.339.600	478.647.991.170	-
- Thuế GTGT nhà thầu	-	3.987.074.315	3.987.074.315	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	3.932.727.653	354.325.767.635	358.258.495.288	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	252.860.913.932	1.484.010.891.243	1.399.982.286.806	336.889.518.369
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu	-	7.174.608.724	7.174.608.724	-
- Thuế thu nhập cá nhân	18.020.617.756	176.903.925.813	182.071.288.787	12.853.254.782
- Thuế tài nguyên	29.604.800	412.238.268	412.293.188	29.549.880
- Thuế nhà đất	-	-	-	-
- Tiền thuê đất	-	532.189.469	532.189.469	-
- Các loại thuế khác	-	87.505.776	87.505.776	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.000.000	610.474.694	610.849.393	2.625.301
Cộng	<u>333.952.869.847</u>	<u>3.402.327.429.937</u>	<u>3.279.554.394.798</u>	<u>456.725.904.986</u>

21. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng	218.642.778.937	172.183.794.781
- Chi phí thuê ụ, kệ, hộp đèn, vị trí trưng bày	-	-
- Chi phí quảng cáo	66.981.178.134	116.910.036.213
- Chi phí vận chuyển	40.344.338.573	23.976.054.607
- Chi phí bảo trì và sửa chữa	12.478.798.051	5.797.227.711
- Chi phí lãi vay	384.249.613	-
- Chi phí nhiên liệu	18.140.900.939	7.115.522.438
- Chi phí nhân công thuê ngoài	13.071.225.266	11.164.299.513
- Chi phí phải trả khác	120.717.500.491	27.956.701.587
Cộng	<u>490.760.970.004</u>	<u>365.103.636.850</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	27.397.830
- BHXH, BHYT, BHTN	417.448.537	497.226.292
- Kinh phí công đoàn	527.791.939	85.485.600
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	21.931.607.492	18.642.185.025
- Tiền, vật tư, hàng hóa tạm mượn	82.832.057.449	-
- Phải trả khác về đầu tư tài chính	448.007.419.155	448.007.419.155
- Cổ tức phải trả	664.944.528.680	-
- Thuế Nhập khẩu phải trả	108.992.820.343	176.541.502.888
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.109.133.450	20.335.831.619
Cộng	<u>1.341.762.807.045</u>	<u>664.137.048.409</u>

23. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số dư đầu năm	406.397.724.109	346.372.825.269
- Trích lập quỹ	647.209.361.706	578.586.940.698
- Tặng khác	4.163.115.690	-
- Chi trả	(696.292.629.603)	(518.562.041.858)
Số dư cuối kỳ	<u>361.477.571.902</u>	<u>406.397.724.109</u>

24. Dự phòng trợ cấp thôi việc

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số dư đầu năm	59.635.777.000	66.923.897.268
- Trích lập dự phòng	12.277.166.717	1.687.443.587
- Sử dụng dự phòng	(609.124.300)	(680.685.501)
- Hoàn nhập dự phòng	(1.720.526.167)	(8.294.878.354)
Số dư cuối năm	<u>69.583.293.250</u>	<u>59.635.777.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

25. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2		3	4	6	9
Số dư đầu năm trước	5.561.147.540.000	1.276.994.100.000	(2.521.794.000)	908.024.236.384	556.114.754.000	4.177.446.360.100	12.477.205.196.484
- Tăng vốn năm trước	2.778.410.420.000	-	-	(1.628.883.194.992)	-	(1.149.527.225.008)	-
- Mua lại cổ phiếu quỹ			(1.982.321.000)			-	(1.982.321.000)
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	5.819.454.717.083	5.819.454.717.083
- Trích lập các quỹ	-	-	-	814.747.976.337	32.287.268.008	(1.425.622.185.055)	(578.586.940.710)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Cổ tức	-	-	-	-	-	(2.222.994.056.000)	(2.222.994.056.000)
Số dư đầu năm nay	8.339.557.960.000	1.276.994.100.000	(4.504.115.000)	93.889.017.729	588.402.022.008	5.198.757.611.120	15.493.096.595.857
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	(38.950.000)	22.835.000	-	16.115.000	-
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(525.442.959)	-	-	-	(525.442.959)
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	6.534.133.662.834	6.534.133.662.834
- Trích lập các quỹ	-	-	-	856.326.130.883	245.553.773.992	(1.749.089.266.584)	(647.209.361.709)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Cổ tức	-	-	-	-	-	(3.834.006.138.600)	(3.834.006.138.600)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	8.339.557.960.000	1.276.994.100.000	(5.068.507.959)	950.237.983.612	833.955.796.000	6.149.811.983.770	17.545.489.315.423

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐÓ:

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	31.586.007.133.622	27.101.683.739.278
• Doanh thu bán hàng hóa	392.518.053.443	378.856.511.250
• Doanh thu bán thành phẩm	31.150.951.345.551	26.687.053.494.046
• Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.412.427.799	24.079.188.993
• Doanh thu kinh doanh bất động sản	12.125.306.829	11.694.544.989
Các khoản giảm trừ doanh thu:	637.405.006.316	540.109.559.314
• Chiết khấu thương mại	615.609.946.192	529.926.422.029
• Hàng bán bị trả lại	21.795.060.124	10.183.137.285
Doanh thu thuần	30.948.602.127.306	26.561.574.179.964
Trong đó:		
• Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	30.906.064.392.678	26.525.800.445.982
• Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	42.537.734.628	35.773.733.982

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	333.087.645.676	313.985.989.376
- Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	19.356.246.171.629	17.110.723.660.326
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.153.118.401	1.021.956.715
- Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	7.083.811.145	5.511.306.230
- Chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho	7.972.098.132	6.163.282.024
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	50.916.894.707	47.214.514.188
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8.333.940.784	209.538.329
Cộng	19.765.793.680.474	17.484.830.247.188

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	371.382.601.654	250.231.647.095
- Lãi trái phiếu	23.338.013.697	77.056.806.958
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.767.489.751	35.619.974.400
- Lãi đầu tư chứng khoán	12.258.500	8.790.592.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	89.847.345.276	103.438.947.734
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Khác	638	100.617.862
Cộng	507.347.709.516	475.238.586.049

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay ngân hàng, các tổ chức khác	104.027.048	3.114.837.973
- Lãi ký quỹ	805.352.929	1.016.360.739
- Phí giao dịch mua bán chứng khoán	41.731.861	54.329.064
- Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	29.550.432.486	37.855.110.550
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.064.625.014	23.750.178.315
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	17.395.887.080	(3.224.221.780)
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	238.406.621	(73.986.254.362)
- Hỗ trợ thanh toán nhà phân phối	26.181.425.042	31.602.235.707
- Khác	3.408.929.409	30.988.553.209
Cộng	<u>90.790.817.490</u>	<u>51.171.129.415</u>

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	29.581.525.306	38.249.877.676
- Thu thanh lý XDCB dở dang	-	-
- Thu thanh lý phế liệu, CCDC	96.319.979.308	94.593.140.503
- Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	938.427.793	789.778.800
- Nhận hỗ trợ từ nhà cung cấp	167.756.170.079	196.470.446.738
- Các khoản thuế được hoàn	328.562.102	-
- Thu nhập khác	18.533.234.431	20.220.100.031
Cộng	<u>313.457.899.019</u>	<u>350.323.343.748</u>

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán, thanh lý	36.917.461.324	58.923.685.176
- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.334.353.637	654.545
- Giá trị hạng mục XDCB dở dang thanh lý	-	-
- Giá trị CCDC thanh lý	334.692.946	81.732.178
- Chi phạt do vi phạm hợp đồng	3.000.000	-
- Thuế bị phạt, bị truy thu	8.385.633.600	1.713.508.948
- Chi phí khác	9.844.720.527	2.286.695.266
Cộng	<u>58.819.862.034</u>	<u>63.006.276.113</u>

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.534.133.662.834	5.819.454.717.083
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
• <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp</i>	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi</i>		
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu</i>	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.534.133.662.834	5.819.454.717.083
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	833.505.248	833.639.586
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>7.839</u>	<u>6.981</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	833.525.676	555.867.614
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông thưởng phát hành ngày 21 tháng 12 năm 2012	-	277.879.835
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại trong kỳ	(20.428)	(107.863)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	<u>833.505.248</u>	<u>833.639.586</u>

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.391.025.570.770	16.368.626.885.672
- Chi phí nhân công	972.049.819.144	736.961.575.667
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	780.751.440.172	534.303.105.072
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.222.110.846.980	922.116.282.884
- Chi phí khác	2.628.574.296.692	1.842.875.132.323
Cộng	<u>23.994.511.973.758</u>	<u>20.404.882.981.618</u>

Trong đó bao gồm:

Chi phí sản xuất

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.312.803.859.932	16.298.824.788.096
- Chi phí nhân công	574.279.590.981	417.323.119.219
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	692.921.804.676	448.558.611.582
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	465.664.788.406	341.033.736.422
- Chi phí khác	61.154.794.847	28.156.115.078
Cộng	<u>20.106.824.838.842</u>	<u>17.533.896.370.397</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	194.049.933.281	154.142.240.782
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.524.090.011	56.236.043.231
- Chi phí dụng cụ đồ dùng bán hàng	82.551.394.335	61.297.993.881
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.911.649.370	25.653.373.488
- Chi phí bảo hành	13.414.638.552	13.803.784.829
- Chi phí vận chuyển hàng bán	385.469.435.879	307.016.838.337
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	175.292.088.948	99.969.890.863
- Chi phí quảng cáo	885.452.890.656	586.620.623.362
- Chi phí khuyến mãi	942.567.027.026	635.694.113.386
- Chi phí hỗ trợ, hoa hồng cho nhà phân phối	512.198.480.608	405.354.439.716
Cộng	<u>3.276.431.628.666</u>	<u>2.345.789.341.875</u>

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	203.720.294.882	165.496.215.666
- Chi phí vật liệu quản lý	17.697.620.827	13.566.054.345
- Chi phí đồ dùng văn phòng	8.519.542.351	4.275.239.859
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.917.986.126	60.091.120.002
- Thuế, phí, lệ phí	6.898.909.318	15.421.910.323
- Chi phí dự phòng	12.407.364.263	1.344.579.930
- Chi phí vận chuyển hàng nội bộ	43.865.767.765	50.852.128.502
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	151.818.765.982	123.243.688.760
- Chi phí nhập hàng	20.323.775.456	24.670.644.465
- Công tác phí	18.520.954.726	18.037.151.325
- Chi phí dịch vụ ngân hàng	3.471.288.316	5.975.197.656
- Chi phí khác bằng tiền	61.093.236.238	42.223.338.513
Cộng	<u>611.255.506.250</u>	<u>525.197.269.346</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

Cổ đông lớn nhất của Công ty là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (“SCIC”), sở hữu 45,05% vốn điều lệ của Công ty. SCIC được kiểm soát bởi Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

a. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong kỳ, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Mua hàng hóa và dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty liên kết:		
- Công ty TNHH Miraka	182.836.660.880	376.348.603.444
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn	11.414.335.000	37.676.635.000
	<u>194.250.995.880</u>	<u>414.025.238.444</u>

ii) Bán thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty liên kết:		
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn	228.233.276	-
	<u>228.233.276</u>	<u>-</u>

iii) Góp vốn đầu tư vào các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty liên kết		
- Công ty TNHH Miraka	33.713.307.770	-
	<u>33.713.307.770</u>	<u>-</u>

iv) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương và các quyền lợi gộp khác của thành viên Hội Đồng Quản trị và Ban Điều hành	61.379.663.770	56.403.673.599

i) Chi trả cổ tức:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	1.427.781.600.000	1.001.952.000.000

b. Số dư cuối kỳ với các bên liên quan :

i) Phải thu khách hàng và phải thu khác :

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Công ty liên kết		
- Công ty TNHH Miraka	5.960.887.170	-
	<u>5.960.887.170</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

ii) Phải trả người bán





	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Công ty liên kết:		
- Công ty TNHH Miraka	38.124.281.430	-
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn	-	3.204.539.250
	<u>38.124.281.430</u>	<u>3.204.539.250</u>

2. Thông tin về bộ phận

CHỈ TIÊU	Năm 2013		Năm 2012	
	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.171.340.361.136	4.414.666.772.486	23.389.260.942.434	3.712.422.796.844
2. Các khoản giảm trừ	636.679.299.433	725.706.883	540.109.559.314	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (3 = 1 - 2)	26.534.661.061.703	4.413.941.065.603	22.849.151.383.120	3.712.422.796.844
4. Giá vốn hàng bán	16.313.347.650.303	3.452.446.030.172	14.546.267.732.706	2.938.562.514.482
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (5 = 3 - 4)	10.221.313.411.401	961.495.035.431	8.302.883.650.414	773.860.282.362

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ:

Ngày 13/01/2014, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 667/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 06/01/2014 vào Công ty Angkor Dairy Products tại Phnom Penh, Campuchia. Đây là nhà máy chế biến các sản phẩm sữa để phục vụ cho thị trường Campuchia do Vinamilk và các đối tác Campuchia đầu tư. Tổng vốn đầu tư của dự án là 23.000.000 USD, trong đó Vinamilk nắm giữ 51% cổ phần.

Lập ngày 28 tháng 01 năm 2014,			
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc điều hành Tài chính	Tổng Giám đốc
			
Nguyễn Đức Diệu Thơ	Lê Thành Liêm	Ngô Thị Thu Trang	Mai Kiều Liên

